

Bản án số: 78/2019/HS-PT

Ngày: 22 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, Ông Trần Đức Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thị Diệu Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2019/TLPT- HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K do có kháng cáo của các bị cáo cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1988 tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị V, có vợ Trương Thị Hoa T; có một con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1989 tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị V, chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1990 tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề ngH: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T, có vợ Nguyễn Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1983 tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề ngH: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T, chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Đàm Văn D, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1966 tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề ngH: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, có vợ Cao Thị T; có bốn người con, sinh các năm 1991, 1993, 1995, 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23 tháng 01 năm 2015 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, (đã nộp phạt vào ngày 23 tháng 4 năm 2015); không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn K, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1981 tại Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề ngH: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị T; có 4 người con sinh các năm 2001, 2008, 2011, 2013; tiền án: Không, tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn H là anh ruột bị cáo Nguyễn Văn H1 giao nộp Giấy ra viện ngày 06 tháng 8 năm 2019 của bị cáo Nguyễn Văn H1 có nội dung Nguyễn Văn H1 vào Bệnh viện Trung ương Huế ngày 08 tháng 7 năm 2019. Chẩn đoán: 108.3- Bệnh lý phối hợp van hai lá, van động mạch chủ và van ba lá và trình bày, bị cáo Hoè vừa mổ tim, hiện không đủ sức khoẻ để tham gia phiên toà, bị cáo Hoè xin xét xử vắng mặt.

Theo lý do vắng mặt của bị cáo Nguyễn Văn H1, các bị cáo có mặt đề nghị xét xử vụ án, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn H1 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn H1 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vụ án còn có người làm chứng là chị Nguyễn Thị V, các bị cáo không kháng cáo kêu oan. Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên không triệu tham gia phiên toà phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 18 tháng 01 năm 2019, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, sau khi cùng uống rượu xong thì cả nhóm rủ nhau đến quán bida của chị Nguyễn Thị V ở Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đánh bida, uống nước. Một lúc sau thì có Đàm Văn D đến và cùng tham gia đánh bida. Trong quá trình đánh bida thì H nhìn thấy có 01 bộ bài Tú lơ khơ loại 52 quân để ở bàn bida bên cạnh, nên H cầm bộ bài và rủ H1, M và T cùng đánh bài cào và tất cả đồng ý rồi ngồi lên bàn bida bên cạnh để đánh bài với hình thức cào lật, mậu mỗi người 10.000 đồng, còn K và D vẫn tiếp tục đánh bida. Trước khi đánh bạc, Nguyễn Văn H có số tiền khoảng 7.000.000 đồng, Nguyễn Văn H1 có số tiền khoảng hơn 400.000 đồng, Nguyễn Văn M có số tiền khoảng hơn 2.000.000 đồng và Nguyễn Văn T có số tiền 100.000 đồng. Khi đánh bạc, Nguyễn Văn H lấy số tiền khoảng gần 1.000.000 đồng từ số tiền 7.000.000 đồng, Nguyễn Văn H1 dùng số tiền khoảng hơn 400.000 đồng, Nguyễn Văn M lấy số tiền khoảng từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng từ số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn T dùng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc. Khi đánh các đối tượng chia mỗi người 03 quân bài, tính điểm ai điểm cao nhất theo quy ước từ trước thì được ăn tiền tất cả những người còn lại. Đánh được một lúc do bài cũ nên các đối tượng gọi chủ quán lấy cho 01 bộ bài Tú lơ khơ mới để đánh. Sau khi kết thúc cơ bida thì K và D cũng sang bàn bida nơi các đối tượng đang đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc. Trước khi đánh Nguyễn Văn K có số tiền khoảng 7.500.000 đồng và lấy khoảng 200.000 đồng để đánh bạc, Đàm Văn D có số tiền khoảng hơn 700.000 đồng và dùng số tiền này để đánh bạc. Tất cả các đối tượng cùng đánh bài cào lật được một lúc thì H nói “Anh em đông vậy chuyển sang đánh cào liêng cho vui, mậu 10.000 đồng, tố 50.000 đồng”. Nghe xong tất cả đồng ý và phương thức đánh như sau: Trước khi chơi, mỗi người đặt số tiền chơi cho mỗi ván 10.000 đồng và mỗi người được chia ba quân bài, sau khi xem bài, người chơi tiếp tục đặt cược thêm, nếu không thì úp bài, nếu muốn đánh tiếp thì cần mỗi lượt là 20.000 đồng, nhưng không được vượt quá 50.000 đồng. Cụ thể cách so bài được tính như sau: các bộ bài liêng xếp theo thứ tự từ lớn đến bé; Sam là ba quân bài giống nhau khác chất; Liêng là ba quân bài liên tiếp nhau, ba tây (ba quân bài có hình người), tính điểm từ lớn đến bé. Ba tây (hay còn gọi là “Đĩ”) là ba quân

bài có hình người (K, Q, J), nếu các con bạc đều có ba tây thì tính theo thứ tự có quân lớn nhất đến bé K, Q, J và tính chất theo “Cơ, rô, chuồn, bích”; bài không phải có các bộ đặc biệt trên thì người chơi sẽ cộng giá trị các quân trong bài để tính điểm (A là 1 điểm, 10, J, Q, K là 0 điểm), điểm của bài chỉ tính hàng đơn vị trong trường hợp điểm lớn hơn 9. Nếu các người chơi có số điểm cao nhất ngang bằng nhau thì so sánh chất theo thứ tự chất “Cơ, rô, chuồn, bích”. Sau khi kết thúc ván chơi, người chơi cầm bài có giá trị cao nhất sẽ là người thắng cuộc và được ăn tất cả số tiền trong ván chơi. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng cãi nhau theo việc K bị mất 100.000 đồng, thì H rủ cả nhóm xuống trải chiếu dưới nền để ngồi đánh bạc với hình thức như trên. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Quảng Trạch phối hợp với Công an xã Quảng Châu phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.170.000 đồng, thu giữ dưới chiếu bạc tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn K số tiền 7.300.000 đồng, thu giữ trong tay áo của Nguyễn Văn H1 số tiền 800.000 đồng, thu giữ trong ví để trên người của Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng, thu giữ trong ví trên người của Nguyễn Văn H số tiền 6.000.000 đồng, thu giữ trong ví trên người của Nguyễn Văn M số tiền 1.300.000 đồng. Trong quá trình đánh bạc các đối tượng có mua thuốc lá, nước ngọt và mua bài trong quán của chị Vần với số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 17.870.00 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ gồm: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 17.870.000 đồng; 01 chiếc nhựa màu xanh đã cũ và 01 bộ bài Tu lơ khơ loại 52 quân đã qua sử dụng.

Thu giữ và trả lại cho các đối tượng Nguyễn Văn K 01 xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL; Nguyễn Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCIRER; Nguyễn Văn H1 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA; Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Cáo trạng số 15/CT- VKSQT ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K, Đàm Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K, Đàm Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn D 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên tịch thu sung công quỹ số tiền 17.870.000 đồng; tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định ngày 29 tháng 5 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo cùng nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K khai và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K để sửa Bản án sơ thẩm, giữ y mức án theo quyết định của Bản án sơ thẩm nhưng cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội “Đánh bạc” của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn

Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào lật, sau đó chuyển sang hình thức đánh cào liêng được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc được xác định 17.870.000 đồng. Thời gian đánh bạc khoảng từ khoảng 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2019 đến 18 giờ 20 phút cùng ngày thì Công an huyện Quảng Trạch phối hợp với Công an xã Quảng Châu phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ các tang vật có liên quan. Quá trình điều tra và xét xử xác định bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng, cù rử, lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M là người tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi vụ án bị phát hiện; các bị cáo Đàm Văn D, Nguyễn Văn K là người không tham gia đánh bạc ngay từ đầu. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) theo số tiền đánh bạc 17.870.000 đồng, có hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Theo vị trí vai trò và mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H hình phạt tù với mức án cao hơn các bị cáo khác trong vụ án; bị cáo Đàm Văn D tuy là người không tham gia đánh bạc ngay từ đầu nhưng quá trình nhân thân đã có một lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, (đã nộp phạt vào ngày 23 tháng 4 năm 2015) nên bị xử hình phạt hình phạt tù là đúng. Theo mức độ tham gia của từng bị cáo và số tiền đánh bạc được xác định, Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K hình phạt tù là có phần nghiêm khắc; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức án ngang bằng mức án của các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M là không công bằng.

Xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tang số của số tiền đánh bạc không lớn, số tiền được thua của mỗi lần chơi theo quy ước đặt ra không nhiều, tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 về án treo; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K có đủ căn cứ để xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt có quy định tại khoản 1 Điều 321 và quy định của điểm đ khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K để sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án tù theo quyết định của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D và cho các bị cáo này được hưởng án treo; sửa Bản án sơ thẩm, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K hình phạt cải tạo không giam giữ với mức án thoả đáng và khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K chấp hành hình phạt theo mức thu nhập bình quân 4.000.000 đồng/tháng là 400.000đồng/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 do vừa mới mở tìm ra viện, chưa có thu nhập nên được miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K kháng cáo được chấp nhận nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm đ, e khoản 1 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K để sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K; áp dụng thêm các Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D; điểm đ khoản 1 Điều 3; Điều 36 Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo là 18 tháng tính từ ngày tuyên Bản án phúc thẩm (22 - 8 - 2019);

Xử phạt bị cáo Đàm Văn D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo là 14 tháng tính từ ngày tuyên Bản án phúc thẩm (22 - 8 - 2019).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D cho Ủy ban nhân dân Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà các bị cáo Nguyễn Văn H, Đàm Văn D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo vi phạm phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời gian chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án, Bản án của Tòa án có hiệu lực đối với các bị cáo.

Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K với mức thu 400.000 đồng/tháng (theo mức thu nhập bình quân 4.000.000 đồng/tháng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn H1.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; về buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Đàm Văn D, Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (22 tháng 8 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Phòng PV27-CAQB;
- Lưu Hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt